

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Quy định quy đổi giờ chuẩn nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 07/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2092/QĐ-ĐDN ngày 06/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-ĐDN ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-ĐDN ngày 09/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ và định mức làm việc của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng QL NCKH,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Quy định quy đổi giờ chuẩn nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-ĐDN ngày 09/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định như sau:

**I. Bổ sung Khoản 5, Điều 2 như sau:** Bài báo khoa học là công trình khoa học của tác giả đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, thể hiện rõ ý tưởng khoa học, nội dung cần thiết của vấn đề nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, những đóng góp chính về lý thuyết và ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.

### **II. Điều 6 được điều chỉnh như sau:**

1. Bài đăng báo, sách phổ biến khoa học, bản tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, nhận xét, tổng quan (xã luận), dịch thuật, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp, luận văn, luận án không được tính là công trình khoa học quy đổi.

2. Nội dung của các công trình khoa học quy đổi phải phù hợp với ngành/chuyên ngành khoa học đang giảng dạy hoặc quản lý của giảng viên.

3. Quy đổi giờ chuẩn đối với các nhiệm vụ KH&CN được công bố trên các tạp chí/kỷ yếu hội nghị khoa học:

a) Phương thức quy đổi như sau:

TT	Sản phẩm (SP) đăng trên	Số giờ	
1	Các tạp chí trong nước được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận	≥ 1 điểm	180/SP
		0,75 điểm	150/SP
		0,5 điểm	100/SP
		0,25 điểm	70/SP
2	Các tạp chí trong nước chưa được tính điểm và Kỷ yếu hội nghị khoa học có phản biện từ cấp Tỉnh trở lên	50/SP	
3	Tạp chí Khoa học Điều dưỡng	100/SP	
4	Các tạp chí quốc tế nằm trong danh mục ISI/Scopus	360/SP	
5	Tạp chí, kỷ yếu hội nghị/hội thảo quốc tế có phản biện	180/SP	

b) Sản phẩm được đăng tải trên nhiều tạp chí/kỷ yếu khác nhau thì số giờ quy đổi được tính ở tạp chí/kỷ yếu có điểm quy đổi lớn nhất.

c) Sản phẩm có nhiều tác giả tham gia công bố thì tác giả chính được hưởng 1/3 (một phần ba) số giờ quy đổi của sản phẩm, số còn lại chia theo giá trị đóng góp của mỗi người kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số giờ còn lại được chia đều cho từng người tham gia.

d) Các công trình khoa học đã công bố có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên chỉ được tính điểm quy đổi một lần.

4. Quy đổi đối với các sản phẩm/kết quả các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn:

a) Kết quả các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn là các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao: (i) chất lượng chăm sóc sức khỏe người bệnh trong bệnh viện và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; (ii) đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học; (iii) nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý của các Khoa, Phòng, Trung tâm và Bộ môn trong toàn Trường;

b) Kết quả các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn phải được đơn vị áp dụng kết quả đó xác nhận (bằng văn bản) là mang lại hiệu quả thiết thực theo một trong những nội dung được liệt kê ở Điểm a, Khoản này;

c) Cách quy đổi giờ chuẩn:

TT	Sản phẩm (sáng kiến, giải pháp)	Số giờ	Ghi chú
1	Được ứng dụng ở cấp Bộ môn	100/SP	Số giờ tính theo phần trăm tham gia ghi trong thuyết minh
2	Được ứng dụng ở cấp Khoa/Phòng	150/SP	
3	Được ứng dụng ở cấp Trường	180/SP	

### III. Điều 8 được điều chỉnh như sau:

Điều 8: Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên

1. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm.

2. Một giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm học nếu có tổng số giờ chuẩn NCKH quy đổi bằng số giờ chuẩn theo định mức: giảng viên hạng III 150 giờ; giảng viên hạng II 180 giờ; giảng viên hạng I 210 giờ.

3. Đối với các giảng viên không thuộc Khoản 2 Điều này được coi là hoàn thành nhiệm vụ NCKH nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bù số giờ giảng chuẩn tương ứng cho số giờ NCKH chưa thực hiện. Đối với giảng viên không kiêm nhiệm, số giờ giảng phải bù như sau: giảng viên hạng III 150 giờ; giảng viên hạng II 180 giờ; giảng viên hạng I 210 giờ. Đối với giảng viên kiêm nhiệm số giờ giảng phải bù bằng 50% số giờ giảng phải bù của giảng viên không kiêm nhiệm;

b) Đạt giải từ hạng ba trở lên trong các hội thi/cuộc thi cấp tỉnh trở lên thuộc một trong các lĩnh vực: KH&CN; giảng viên giỏi hoặc về thể dục, thể thao;

c) Các trường hợp đạt giải từ hạng ba trở lên ở các cuộc thi/hội thi khác từ cấp tỉnh trở lên, tùy từng trường hợp Phòng QL NCKH sẽ tham mưu trình Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định;

3. Các giảng viên đã hoàn thành và được coi là hoàn thành nhiệm vụ NCKH được thanh toán giờ giảng vượt định mức theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

#### **IV. Điều 9 được điều chỉnh như sau:**

1. Hướng dẫn người học, giảng viên, người lao động thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu từ mức đạt trở lên: 50 giờ/nhiệm vụ.

2. Nếu có nhiều người cùng hướng dẫn một nhiệm vụ KH&CN thì chia đều số giờ được quy đổi cho từng người hướng dẫn.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho năm học 2018-2019.

**Điều 3.** Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QL NCKH.



**Lê Thanh Tùng**